

THỰC TRẠNG VỀ ĐỘNG LỰC HỌC TẬP, SỰ GẮN BÓ CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN NĂM NHẤT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HUẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CỐ VẤN NGANG HÀNG (PEER MENTORING)

TS. Trần Thị Ái Luyến, CN. Lại Văn Hoá,
ThS. Nguyễn Thị Thuý Hồng

Tóm tắt: Học sinh, sinh viên (HSSV) năm nhất, đặc biệt là học sinh hệ vừa học văn hoá vừa học nghề (hệ 9+), thường gặp nhiều khó khăn trong việc thích nghi với môi trường học tập mới tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Những thách thức như tâm lý chưa ổn định, thiếu kỹ năng tự học, động lực học tập giảm sút và hạn chế trong giao tiếp – hòa nhập có thể dẫn đến biểu hiện nghỉ học, bỏ tiết hoặc thiếu gắn bó với nhà trường. Chương trình cố vấn ngang hàng (Peer Mentoring) đã được chứng minh là mô hình hỗ trợ hiệu quả tại nhiều quốc gia, giúp cải thiện kết quả học tập, thúc đẩy kỹ năng xã hội và tăng cảm giác thuộc về cộng đồng học tập. Trên cơ sở phân tích tổng hợp, bài viết tập trung đánh giá thực trạng động lực học tập và sự gắn bó của HSSV năm nhất với nhà trường. Từ đó xác định tầm quan trọng của Chương trình Peer Mentoring lên động lực và sự gắn bó này. Qua đó, cung cấp cơ sở lý luận để cải tiến công tác quản lý và hỗ trợ người học, hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo, giảm tỷ lệ bỏ học và tăng sự hài lòng của người học đối với nhà trường.

Từ khoá: động lực học tập, cố vấn ngang hàng, nghỉ học, ...

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hiện nay, việc nâng cao chất lượng đào tạo và giảm tỷ lệ bỏ học đang trở thành một trong những mục tiêu quan trọng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đối với học sinh, sinh viên (HSSV) năm nhất - giai đoạn chuyển tiếp từ môi trường học tập phổ thông sang môi trường đào tạo nghề thường đi kèm với nhiều khó khăn về tâm lý, phương pháp học tập và khả năng thích nghi với môi trường mới. Những khó khăn này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến động lực học tập, kết quả học tập cũng như mức độ gắn bó của người học với nhà trường (Tinto, 1993).

Theo các nghiên cứu về giáo dục đại học, giai đoạn năm nhất được xem là thời kỳ quan trọng quyết định mức độ hòa nhập về học tập và giao tiếp của sinh viên trong môi trường giáo dục mới. Nếu người học không được hỗ trợ kịp thời trong giai đoạn này, họ có thể gặp phải nhiều trở ngại như thiếu định hướng học tập, giảm động lực học tập và cảm giác không thuộc về cộng đồng học tập (Astin, 1999, (Nguyễn Thị Hồng Vân, 2020). Những yếu tố này được xem là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghỉ học, bỏ học hoặc giảm mức độ gắn bó của sinh viên với nhà trường.

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thách thức này càng trở nên rõ rệt khi nhiều HSSV bước vào môi trường học tập mang tính thực hành cao, đòi hỏi sự chủ động, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng thích nghi nhanh với môi trường nghề nghiệp. Đặc biệt, đối với nhóm học sinh theo học hệ đào tạo vừa học văn hóa vừa học nghề (hệ 9+), bên cạnh lịch học văn hoá hầu như kín và trải đều trong tuần cùng lịch học nghề song song có thể tạo ra những áp lực nhất định về tâm lý, phương pháp học tập cũng như khả năng hòa nhập với bạn bè và thầy cô. Một số nghiên cứu tại Việt Nam đã bước đầu đề cập đến vai trò của mentoring và hỗ trợ đồng đẳng trong môi trường giáo dục đại học. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hà và cộng sự (2019) cho thấy hoạt động peer mentoring giúp tăng cường tương tác học tập và hỗ trợ sinh viên trong quá trình phát triển kỹ năng học thuật. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về dịch vụ hỗ trợ sinh viên cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các mô hình hỗ trợ học tập và tâm lý nhằm giúp sinh viên năm nhất thích nghi với môi trường đại học (Nguyễn Thị Mỹ Lộc & Lê Đức Ngọc, 2017).

Trong những năm gần đây, nhiều cơ sở giáo dục trên thế giới đã áp dụng Mô hình Cố vấn ngang hàng (Peer Mentoring) như một giải pháp hỗ trợ hiệu quả cho sinh viên năm nhất. Peer Mentoring là hình thức hỗ trợ học tập trong đó những sinh viên có kinh nghiệm hơn đóng vai trò hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ sinh viên mới trong quá trình học tập và hòa nhập với môi trường học đường (Colvin & Ashman, 2010). Các nghiên cứu cho thấy chương trình cố vấn ngang hàng có thể giúp sinh viên nâng cao động lực học tập, cải thiện kỹ năng học tập, đồng thời tăng cảm giác thuộc về cộng đồng học tập (Terrion & Leonard, 2007).

Bên cạnh việc nâng cao động lực học tập, Peer Mentoring còn góp phần tăng cường sự gắn bó của sinh viên với nhà trường thông qua việc xây dựng các mối quan hệ xã hội tích cực và tạo môi trường hỗ trợ lẫn nhau trong học tập.

Theo Crisp và Cruz (2009), sinh viên tham gia các chương trình cố vấn thường có mức độ hài lòng cao hơn với môi trường học tập và có xu hướng duy trì việc học tập lâu dài hơn so với những sinh viên không tham gia các chương trình hỗ trợ này.

Tại Trường Cao đẳng Du lịch Huế (HUETC), số lượng HSSV năm nhất thường chiếm tỷ lệ cao hơn trong tổng số lượng HSSV năm 2, năm 3. Tuy nhiên, trong quá trình học tập, nhiều HSSV năm nhất vẫn gặp khó khăn trong việc thích nghi với môi trường học tập mới, đặc biệt là trong các học phần thực hành nghề, hoạt động nhóm và các hoạt động ngoại khóa. Điều này dẫn đến thực trạng HSSV nhanh chóng nhàm chán, bỏ tiết và dần dần đến thực trạng nghỉ học chủ động và bị động. Chính vì vậy, việc xây dựng các mô hình hỗ trợ học tập và hòa nhập cho HSSV năm nhất trong môi trường mới là yêu cầu cần thiết nhằm giúp người học nhanh chóng thích nghi với cơ sở đào tạo nghề.

Xuất phát từ những thực trạng trên, việc nghiên cứu vai trò của Chương trình Cố vấn ngang hàng đối với động lực học tập và sự gắn bó của HSSV năm nhất có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ tác động của mô hình Peer Mentoring trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học để từ đó đề xuất các giải pháp định hướng để tổ chức triển khai chương trình cố vấn ngang hàng phù hợp với điều kiện của nhà trường, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường sự gắn bó của người học với HUETC.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là thực trạng về động lực học tập và sự gắn bó của HSSV năm nhất đối với nhà trường cũng như xác định tầm quan trọng của Chương trình Cố vấn ngang hàng (Peer Mentoring) đối với thực trạng trên.

Nghiên cứu được thực hiện dựa vào số liệu khảo sát trực tuyến qua Google Form cho các HSSV năm nhất đang học tại HUETC bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Toàn bộ bảng hỏi điều tra sau khi hoàn thành được phân loại, mã hóa, làm sạch và kiểm tra tính phù hợp bằng các công cụ tương ứng của phần mềm SPSS 26.0 nhằm phân tích hệ số Cronbach's Alpha để kiểm định độ tin cậy của thang đo với các biến khảo sát.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng về động lực học tập và sự gắn bó của HSSV năm nhất đối với nhà trường

Khảo sát được thực hiện với 58 HSSV năm nhất (hệ trung cấp có học văn hoá và hệ cao đẳng) đang theo học các ngành nghề đào tạo tại trường. Kết quả khảo sát về động lực học tập và sự gắn bó với nhà trường của các HSSV này thể hiện lần lượt ở Bảng 1 và Bảng 2.

Bảng 1. Thực trạng về động lực học tập của HSSV năm nhất

STT	Nội dung	Tỉ lệ %
1	Tôi học vì tôi cảm thấy hứng thú với những kiến thức và kỹ năng nghề tôi đang theo học.	83,8
2	Tôi cảm thấy rất vui và hứng thú khi thực hiện hoặc sáng tạo ra những điều mới liên quan kỹ năng thực hành nghề đúng	83,8
3	Tôi học vì tôi muốn chứng tỏ năng lực của bản thân trong nghề mình đã chọn.	81,8
4	Tôi tham gia học vì việc học giúp tôi phát triển bản thân mỗi ngày.	84,8
5	Tôi học vì tôi muốn có một nghề nghiệp ổn định sau khi ra trường.	85,8
6	Tôi học vì gia đình mong đợi tôi làm tốt.	80,6
7	Tôi học vì tôi muốn có thu nhập tốt trong tương lai.	86,2
8	Tôi học vì tôi muốn được công nhận và tôn trọng từ mọi người.	79,4
9	Tôi học để có được tấm bằng nghề theo yêu cầu của gia đình.	75,6
10	Nhiều khi tôi cảm thấy mình đã lựa chọn nghề học không đúng.	68

Kết quả khảo sát cho thấy nhìn chung động lực học tập của học sinh, sinh viên năm nhất tại HUETC đang ở mức khá tích cực, với nhiều yếu tố thể hiện sự quan tâm và định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Đa phần các nội dung liên quan đến yếu tố động lực học tập của HSSV tham gia khảo sát lựa chọn với tỉ lệ cao hơn đều xuất phát từ bên trong (động lực nội tại). Nhiều HSSV thể hiện động lực học tập gắn với sự phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp. Có 84,8% HSSV cho rằng họ tham gia học tập để phát triển bản thân mỗi ngày, và 85,8% mong muốn có một nghề nghiệp ổn định sau khi ra trường. Đặc biệt, 86,2% HSSV cho rằng họ học để có thu nhập tốt trong tương lai. Những kết quả này phản ánh động lực học tập mang tính định hướng tương lai khá rõ rệt, khi phần lớn HSSV nhận thức được vai trò của học nghề trong việc đảm bảo việc làm và thu nhập sau này. Chính vì sự định

hướng này mà đã có nhiều HSSV tham gia khảo sát thể hiện sự hứng thú với ngành nghề đang theo học, thể hiện qua tỷ lệ 83,8% sinh viên cho biết họ học vì cảm thấy hứng thú với kiến thức và kỹ năng nghề, đồng thời cũng có cùng tỷ lệ sinh viên cảm thấy vui và hào hứng khi được thực hành hoặc sáng tạo các hoạt động liên quan đến kỹ năng nghề. Với kết quả này đã cho thấy chương trình đào tạo nghề tại trường bước đầu tạo được sự hấp dẫn và tính thực tiễn đối với người học, đặc biệt trong các ngành nghề gắn với thực hành kỹ năng.

Các yếu tố khách quan bên ngoài như *Tôi học vì gia đình mong đợi tôi làm tốt*; *Tôi học vì tôi muốn được công nhận và tôn trọng từ mọi người*; *Tôi học để có được tấm bằng nghề theo yêu cầu của gia đình* được lựa chọn với tỉ lệ ít hơn. Đây là một tín hiệu tích cực, thông qua đó có thể thấy được nhu cầu tự khẳng định bản thân và xây dựng giá trị cá nhân trong môi trường học nghề đang là một trong những động lực thúc đẩy quá trình học tập của HSSV. Bên cạnh các yếu tố từ động lực nội tại, một số yếu tố khách quan cũng có tác động nhất định đối với động lực học tập của HSSV tại HUETC. Cụ thể, 80,6% sinh viên học vì mong muốn đáp ứng kỳ vọng của gia đình và 75,6% học để có được tấm bằng nghề theo yêu cầu gia đình. Điều này cho thấy bên cạnh động lực nội tại, động lực ngoại tại như áp lực hoặc kỳ vọng từ gia đình vẫn đóng vai trò đáng kể trong quyết định học tập của một số HSSV.

Ngoài những kết quả tích cực nói trên, vẫn còn 68% HSSV thỉnh thoảng cảm thấy mình đã lựa chọn ngành học chưa thực sự phù hợp. Mặc dù tỷ lệ này chưa phải là quá cao, nhưng cũng phản ánh một thực tế rằng một số lượng HSSV năm nhất vẫn còn băn khoăn hoặc chưa hoàn toàn chắc chắn với lựa chọn nghề nghiệp của mình. Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như thiếu thông tin nghề nghiệp trước khi nhập học, ảnh hưởng từ gia đình hoặc xã hội, hoặc chưa có nhiều trải nghiệm thực tế về nghề.

Từ những kết quả trên có thể nhận thấy rằng động lực học tập của HSSV năm nhất tại HUETC tương đối tích cực nhưng chưa thật sự ổn định và bền vững ở tất cả HSSV tham gia khảo sát. Trong khi phần lớn HSSV học tập với mục tiêu nghề nghiệp và phát triển bản thân, vẫn còn một bộ phận chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài hoặc chưa thực sự rõ ràng về lựa chọn nghề nghiệp. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ HSSV năm nhất thích nghi với môi trường học nghề, định hướng nghề nghiệp và củng cố động lực học tập, trong đó chương trình Peer Mentoring có thể là

một giải pháp phù hợp để nâng cao sự gắn bó và động lực học tập của sinh viên.

Bảng 2. Thực trạng về sự gắn bó của HSSV năm nhất đối với nhà trường

STT	Nội dung	Tỉ lệ %
1	Tôi đi học đầy đủ và đúng giờ	79,6
2	Tôi tích cực tham gia các hoạt động trong lớp (hỏi – trả lời – làm bài tập)	82,8
3	Tôi nỗ lực hoàn thành bài tập và yêu cầu của giảng viên	80,4
4	Tôi tìm cách hỏi giảng viên hoặc bạn bè mỗi khi gặp khó khăn trong học tập	82
5	Tôi cảm thấy vui khi đến trường	79
6	Tôi cảm thấy mình thuộc về tập thể lớp và nhà trường	78,2
7	Tôi tự hào khi nói rằng mình học tại Trường Cao đẳng Du lịch Huế	81,8
8	Tôi cảm thấy được tôn trọng và quan tâm tại trường	80
9	Tôi chủ động tìm thêm thông tin để hiểu rõ hơn nội dung học	80,4
10	Tôi áp dụng kiến thức đã học vào thực hành hoặc cuộc sống	83,2
11	Tôi thường đặt mục tiêu học tập cụ thể cho bản thân	81,4
12	Tôi suy nghĩ nghiêm túc về nghề nghiệp tương lai của mình	83,2

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn HSSV năm nhất có ý thức học tập và tham gia các hoạt động học tập tương đối tốt. Sự gắn bó của HSSV với nhà trường là mối quan hệ tương tác hai chiều, bao gồm việc tuân thủ nội quy, tích cực học tập, rèn luyện và sự hài lòng về môi trường giáo dục. Mối liên kết này giúp hình thành nhân cách, đạo đức, tri thức, đồng thời xây dựng lòng tự hào, tình cảm gắn kết bền chặt giữa HSSV và nhà trường.

Các yếu tố thể hiện sự gắn bó này của HSSV được thể hiện rõ nét qua các nội dung được lựa chọn với tỉ lệ cao như *tích cực học tập, rèn luyện (Tôi tích cực tham gia các hoạt động trong lớp (hỏi – trả lời – làm bài tập); Tôi nỗ lực hoàn thành bài tập và yêu cầu của giảng viên; Tôi tìm cách hỏi giảng viên hoặc bạn bè mỗi khi gặp khó khăn trong học tập; Tôi thường đặt mục tiêu học tập cụ thể cho bản thân; Tôi suy nghĩ nghiêm túc về nghề nghiệp tương lai của mình; Tôi chủ động tìm thêm thông tin để hiểu rõ hơn nội dung học.* Những kết quả này cho thấy đa số HSSV đã có tinh thần trách nhiệm nhất định đối với việc học tập ngay từ năm đầu tiên.

Bên cạnh đó, sự chủ động trong quá trình học tập của HSSV cũng thể hiện rõ nét. Khoảng 82% sinh viên cho biết họ tìm cách hỏi giảng viên hoặc bạn bè

khi gặp khó khăn trong học tập; 80,4% chủ động tìm kiếm thêm thông tin để hiểu rõ hơn nội dung bài học; và 83,2% áp dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống. Điều này phản ánh rằng nhiều HSSV không chỉ học tập một cách thụ động mà đã có xu hướng chủ động khám phá kiến thức và vận dụng vào thực tiễn, qua đó góp phần tăng cường sự gắn kết với quá trình học tập tại nhà trường.

Sự hài lòng về môi trường giáo dục của HUETC cũng được thể hiện thông qua các phản hồi liên quan đến các nội dung như *Tôi tự hào khi nói rằng mình học tại Trường Cao đẳng Du lịch Huế; Tôi cảm thấy được tôn trọng và quan tâm tại trường; Tôi cảm thấy vui khi đến trường* được HSSV năm nhất lựa chọn với tỉ lệ cao. Những kết quả này cho thấy môi trường học tập tại HUETC bước đầu đã tạo được cảm giác thân thiện, tích cực và sự gắn kết về mặt tinh thần đối với HSSV năm nhất.

Tóm lại, sự gắn bó của HSSV năm nhất với HUETC đang ở mức khá tích cực nhưng vẫn cần được củng cố và phát triển thêm. Bên cạnh việc duy trì môi trường học tập tích cực, nhà trường cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ HSSV năm nhất như tư vấn học tập, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và các chương trình hỗ trợ để giúp HSSV nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập, tăng cường sự kết nối với bạn bè, giảng viên và nhà trường, từ đó nâng cao mức độ gắn bó và hiệu quả học tập của người học.

Kết quả phân tích thống kê về ý nghĩa thống kê và mối tương quan giữa các biến quan sát và biến tổng là động lực học tập và sự gắn bó với nhà trường cho thấy các biến khảo sát và biến tổng có mối tương quan cao (hệ số kiểm định Cronbach's alpha đều $> 0,8$). Thang đo đạt độ tin cậy cao, các biến quan sát đều có ý nghĩa giải thích tốt cho các nhân tố thể hiện động lực học tập và sự gắn bó với nhà trường của HSSV năm nhất (Bảng 3, Bảng 4).

Bảng 3. Kết quả xử lý thống kê về độ tin cậy của biến tổng (Động lực học tập) và mối liên hệ giữa biến quan sát và biến tổng

Reliability Statistics	
Cronbach's Alpha	Số lượng biến quan sát
.928	10

Nội dung	Tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation)	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Tôi học vì tôi cảm thấy hứng thú với những kiến thức và kỹ năng nghề tôi đang theo học.	.826	.916
Tôi cảm thấy rất vui và hứng thú khi thực hiện hoặc sáng tạo ra những điều mới liên quan kỹ năng thực hành nghề đúng,	.842	.915
Tôi học vì tôi muốn chứng tỏ năng lực của bản thân trong nghề mình đã chọn.	.910	.913
Tôi tham gia học vì việc học giúp tôi phát triển bản thân mỗi ngày.	.769	.919
Tôi học vì tôi muốn có một nghề nghiệp ổn định sau khi ra trường.	.837	.916
Tôi học vì gia đình mong đợi tôi làm tốt.	.832	.916
Tôi học vì tôi muốn có thu nhập tốt trong tương lai.	.830	.916
Tôi học vì tôi muốn được công nhận và tôn trọng từ mọi người.	.745	.920
Tôi học để có được tấm bằng nghề theo yêu cầu của gia đình.	.524	.932
Nhiều khi tôi cảm thấy mình đã lựa chọn nghề học không đúng.	.387	.947

Bảng 4. Kết quả xử lý thống kê về độ tin cậy của biến tổng (sự gắn bó với nhà trường) và mối liên hệ giữa biến quan sát và biến tổng

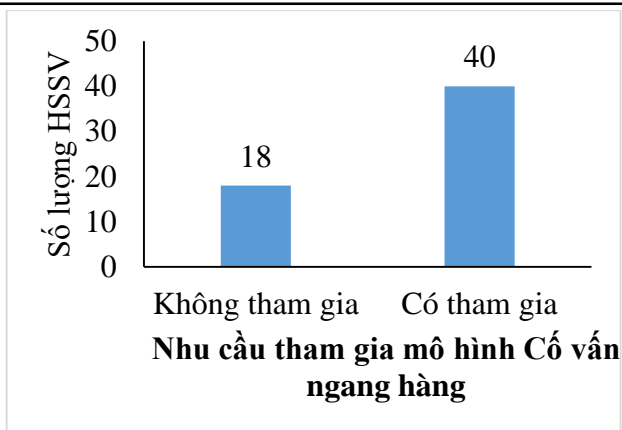
Reliability Statistics	
Cronbach's Alpha	N of Items
.964	12

Nội dung	Tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation)	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Tôi đi học đầy đủ và đúng giờ.	.801	.961
Tôi tích cực tham gia các hoạt động trong lớp (hỏi – trả lời – làm bài tập).	.837	.960
Tôi nỗ lực hoàn thành bài tập và yêu cầu của giảng viên.	.895	.959
Tôi tìm cách hỏi giảng viên hoặc bạn bè mỗi khi gặp khó khăn trong học tập.	.851	.960
Tôi cảm thấy vui khi đến trường.	.772	.962
Tôi cảm thấy mình thuộc về tập thể lớp và nhà trường.	.755	.963
Tôi tự hào khi nói rằng mình học tại Trường Cao đẳng Du lịch Huế.	.856	.960
Tôi cảm thấy được tôn trọng và quan tâm tại trường.	.803	.961
Tôi chủ động tìm thêm thông tin để hiểu rõ hơn nội dung học.	.824	.960
Tôi áp dụng kiến thức đã học vào thực hành hoặc cuộc sống.	.830	.960
Tôi thường đặt mục tiêu học tập cụ thể cho bản thân.	.797	.961
Tôi suy nghĩ nghiêm túc về nghề nghiệp tương lai của mình.	.790	.961

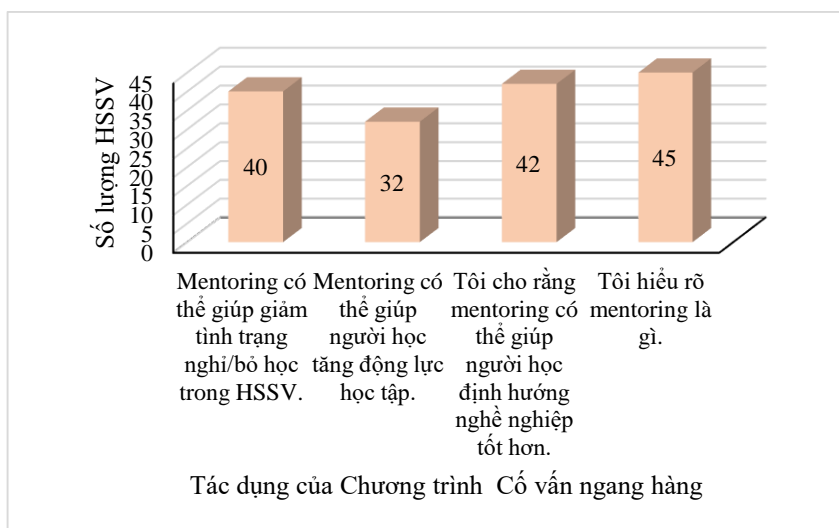
Nguồn xử lý thống kê

3.2. Định hướng triển khai Mô hình Cố vấn ngang hàng (Peer Mentoring)

Kết quả khảo sát nhu cầu tham gia Chương trình cố vấn ngang hàng đối với HSSV năm nhất tại trường cho thấy, có 40/58 HSSV đồng ý tham gia chương trình nếu chương trình được triển khai ở trường (Hình 1). Số lượng HSSV có nhu cầu đồng hành cùng chương trình và kết quả khảo sát nhận thức của HSSV về vai trò, tầm quan trọng của chương trình cố vấn ngang hàng tại Hình 2 đã thể hiện HSSV phần nào đã hiểu được bản chất và tác dụng của chương trình này đối với bản thân.



Hình 1. Nhu cầu tham gia chương trình Peer Mentoring



Hình 2. Nhận thức về tầm quan trọng của chương trình Peer Mentoring

Đa số HSSV hiểu được chương trình Mentoring là gì và đều phản hồi rằng Chương trình Peer Mentoring có thể giúp giảm tình trạng nghỉ/bỏ học; Giúp người học tăng động lực học tập; Giúp người học định hướng được nghề nghiệp tốt hơn. Những phản hồi này đã là sáng tỏ hơn về các câu trả lời của HSSV năm nhất khi được hỏi về Nguyên nhân nào khiến HSSV năm nhất thường nghỉ/bỏ học giữa chừng. Với câu hỏi này, đa số nhận được phản hồi là do chán, do bị đình chỉ nhiều môn, do chương trình học khó, học không hiểu,...

Nhu cầu về hình thức tổ chức, người sẽ là Mentor và nội dung cố vấn khi triển khai chương trình Peer Mentoring mà HSSV năm nhất mong muốn được mô tả cụ thể ở Bảng 4.

Dữ liệu Bảng 4 cho thấy, đa số sinh viên mong muốn triển khai theo hình thức nhóm nhỏ từ 3–5 sinh viên (44,6%), cao hơn đáng kể so với hình thức cố vấn cá nhân 1 kèm 1 (12,2%). Điều này cho thấy sinh viên có xu hướng ưu tiên môi trường trao đổi mang tính tương tác nhóm, nơi các thành viên có thể cùng chia sẻ kinh nghiệm học tập và hỗ trợ lẫn nhau. Bên cạnh đó, 23% sinh viên mong muốn có các buổi họp nhóm định kỳ để rút kinh nghiệm, và 13,5% đề xuất kết hợp online – offline, phản ánh nhu cầu linh hoạt trong tổ chức hoạt động mentoring.

Bảng 4 Nhu cầu về hình thức tổ chức, người sẽ là Mentor và nội dung cố vấn

Các khía cạnh	Nội dung	Tỉ lệ %
Hình thức tổ chức	1 kèm 1	12,2
	Kết hợp online – offline	13,5
	Nhóm nhỏ (3–5 SV)	44,6
	Họp nhóm rút ra kinh nghiệm định kỳ	23,0
	Trực tuyến (online)	6,8
Người đóng vai trò là Mentor	Học sinh, sinh viên học nổi trội hơn trong cùng lớp, cùng nghề	35,0
	Các anh chị HSSV cùng nghề khoá trước	22,5
	Người thân trong gia đình	2,5
	Giáo viên	40,0
Nội dung hỗ trợ	Định hướng nghề nghiệp	34,3
	Hỗ trợ tâm lý	11,4
	Kỹ năng mềm	23,8
	Phương pháp học tập	30,5

Đối với câu hỏi “*Người đóng vai trò là Mentor mà bạn mong muốn là ai?*”. Kết quả cho thấy HSSV mong muốn nhận được sự hỗ trợ từ nhiều nguồn khác nhau. Có 40% lựa chọn Mentor là giáo viên; 35% mong muốn Mentor là HSSV học nổi trội hơn trong cùng lớp, cùng nghề và 22,5% là các anh chị HSSV cùng nghề khoá trước. Phản hồi của các HSSV tham gia khảo sát cho thấy HSSV năm nhất vừa mong muốn có sự hỗ trợ chuyên môn từ giảng viên, vừa mong muốn có sự chia sẻ kinh nghiệm học tập và nghề nghiệp từ những

người học đi trước. Điều này hoàn toàn phù hợp với bản chất của mô hình cố vấn ngang hàng.

Liên quan đến nội dung hỗ trợ, nội dung mà HSSV năm nhất mong muốn được hỗ trợ nhiều nhất đó là Định hướng nghề nghiệp (chiếm 34,3%), tiếp đến là Phương pháp học tập (30,5%), Kỹ năng mềm (23,8%) và cuối cùng là Hỗ trợ tâm lý (chỉ 11,4%). Kết quả này là hoàn toàn phù hợp, HSSV mới vào trường, họ sẽ còn có nhiều bỡ ngỡ, nên việc quan tâm đến các vấn đề liên quan đến định hướng nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả học tập là hoàn toàn hợp lý.

Như vậy, với kết quả khảo sát về nhu cầu và tầm quan trọng của Chương trình cố vấn ngang hàng cũng như những mong muốn về các nội dung, cách thức sẽ tổ chức trong chương trình này cho thấy HSSV đều mong muốn có sự đồng hành nhiều hơn từ bạn bè, các anh chị đi trước và đặc biệt là sự quan tâm của các thầy cô trong vấn đề học tập cũng như định hướng nghề nghiệp mà các bạn đang theo học. Chính sự quan tâm, đồng hành này có thể sẽ là động lực giúp các bạn học tập tích cực hơn, từ đó sẽ có những quyết định chính chắn và gắn bó hơn với nhà trường trong thời gian học tập tại trường.

4. Kết luận

Từ những kết quả khảo sát trên có thể thấy rằng, mặc dù HSSV năm nhất tại Trường Cao đẳng Du lịch Huế đã có động lực học tập và mức độ gắn bó với nhà trường ở mức khá tích cực, nhưng vẫn cần có các cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm giúp HSSV năm nhất nhanh chóng thích nghi với môi trường học tập và củng cố định hướng nghề nghiệp. Từ thực trạng này, việc xây dựng và triển khai chương trình cố vấn ngang hàng với hình thức tổ chức linh hoạt, có sự tham gia của giảng viên và sinh viên khóa trên, cùng nội dung hỗ trợ thiết thực sẽ là một giải pháp phù hợp nhằm tăng cường động lực học tập, nâng cao sự gắn bó của sinh viên với nhà trường và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua sự đồng hành, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ từ các anh chị HSSV khóa trên, từ bạn bè cùng lớp, từ thầy cô giáo, mô hình này không chỉ góp phần nâng cao sự tự tin, khả năng học tập và kỹ năng hòa nhập của HSSV mới mà còn tạo dựng một môi trường học tập tích cực, gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng người học tại HUETC.

Từ những kết quả nghiên cứu bước đầu, bài viết đề xuất định hướng xây dựng và triển khai mô hình Cố vấn ngang hàng theo hướng có tổ chức, có quy trình và gắn với đặc thù đào tạo của nhà trường. Trong đó, cần chú trọng đến việc

tuyển chọn và bồi dưỡng đội ngũ người cố vấn theo mong đợi của người học; xây dựng cơ chế phối hợp giữa giảng viên, cố vấn học tập và HSSV làm mentor, đồng thời lồng ghép các hoạt động trong Chương trình cố vấn ngang hàng vào các chương trình hỗ trợ HSSV năm nhất.

Chẳng hạn như: (1) Nhà trường cần ban hành kế hoạch và quy định cụ thể về hoạt động Peer Mentoring, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung hỗ trợ, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị và phương thức đánh giá hiệu quả của chương trình theo mong đợi của HSSV; (2) giảng viên cần phối hợp với nhà trường trong việc lựa chọn và bồi dưỡng các mentor phù hợp, tham gia định hướng nội dung mentoring, đặc biệt trong các lĩnh vực mà sinh viên quan tâm như phương pháp học tập hiệu quả, định hướng nghề nghiệp và kỹ năng thực hành nghề; (3) Sinh viên tham gia làm mentor cần phát huy vai trò người đồng hành và chia sẻ kinh nghiệm học tập với HSSV năm nhất, tạo môi trường giao tiếp thân thiện và cởi mở, giúp họ cảm thấy tự tin hơn khi trao đổi các khó khăn; (4) Bản thân HSSV năm nhất cần chủ động tham gia và tận dụng hiệu quả các hoạt động trong chương trình cố vấn ngang hàng và phát huy tinh thần học tập chủ động của bản thân.

Có thể khẳng định rằng, để triển khai Chương trình cố vấn ngang hàng phù hợp cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, giảng viên, sinh viên mentor và HSSV năm nhất. Khi được tổ chức hợp lý và phù hợp với nhu cầu của người học, chương trình này sẽ góp phần hỗ trợ HSSV năm nhất nhanh chóng thích nghi với môi trường học tập, nâng cao động lực học tập và tăng cường sự gắn bó của HSSV với nhà trường.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thu Hà, Đặng Thị Phương, & Ngô Quỳnh Trang. (2019). The discourse of peer mentoring: From mentors' perspectives. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 64(7), 120–128.
2. Nguyễn Thị Mỹ Lộc & Lê Đức Ngọc. (2017). Student support services in Vietnamese higher education institutions. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục*, 33(2), 1–9.
3. Nguyễn Thị Hồng Vân. (2020). Supporting first-year students' adaptation to university learning environment. *Tạp chí Giáo dục*, 482, 34–38.
4. Astin, A. W. (1999). Student involvement: A developmental theory for higher education. *Journal of College Student Development*, 40(5), 518–529.

5. Colvin, J. W., & Ashman, M. (2010). Roles, risks, and benefits of peer mentoring relationships in higher education. *Mentoring & Tutoring: Partnership in Learning*, 18(2), 121–134.
6. Crisp, G., & Cruz, I. (2009). Mentoring college students: A critical review of the literature. *Research in Higher Education*, 50(6), 525–545.
7. Terrion, J. L., & Leonard, D. (2007). A taxonomy of the characteristics of student peer mentors in higher education. *Mentoring & Tutoring*, 15(2), 149–164.
8. Tinto, V. (1993). *Leaving College: Rethinking the Causes and Cures of Student Attrition*. University of Chicago Press.

THE IMPORTANCE OF THE PEER MENTORING PROGRAM FOR LEARNING MOTIVATION AND ENGAGEMENT OF FIRST-YEAR STUDENTS AT HUE TOURISM COLLEGE

Abstract: *First-year students, especially those enrolled in the dual-track system combining general education and vocational training (the 9+ system), often face numerous challenges in adapting to the new learning environment at vocational education institutions. Difficulties such as psychological instability, lack of self-directed learning skills, decreased learning motivation, and limitations in communication and social integration may lead to absenteeism, skipping classes, or a lack of connection with the institution. The Peer Mentoring Program has been recognized in many countries as an effective support model that helps improve academic performance, foster social skills, and enhance students' sense of belonging within the learning community. Based on a synthesis analysis, this paper focuses on assessing the current state of learning motivation and institutional engagement among first-year students. It thereby identifies the significance of the Peer Mentoring Program in enhancing students' motivation and engagement. The study also provides a theoretical foundation for improving student management and support practices, aiming to enhance training quality, reduce dropout rates, and increase student satisfaction with the institution.*

Keywords: *learning motivation, peer mentoring, absenteeism, dropout, ...*